TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 20-3-2019
V/v đòi bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quế
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Công Dịnh
2. Ông Nguyễn Văn Chính

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Bảo Trâm, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình *tham gia phiên tòa:* Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2016/TLST-DS ngày 23/11/2016 về "Đòi bồi thường thiệt hại về tài sản"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:
1.1. Ông Nguyễn Hữu Kh, sinh năm 1956 (có mặt)
1.2. Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1959 (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau
2. Bị đơn:
2.1. Ông Nguyễn Văn D1 (tên gọi khác là V), sinh năm 1951 (có mặt)
2.2. Anh Nguyễn Tấn E (tên đệm khác là Tuấn E, con của ông D1), sinh năm 1981 (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp N, xã Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau
2.3. Ông Nguyễn Văn L (em ruột của ông D1), sinh năm 1962 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2016 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu Kh và vợ là bà Nguyễn Ngọc D (gọi chung là vợ chồng ông Kh) trình bày:*

Vào năm 1999, vợ chồng ông T (cha mẹ ruột của ông Nguyễn Văn D1 và ông Nguyễn Văn L) có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Kh 7,5 công đất ruộng (9.580m^2) tọa lạc tại ấp N, xã Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau. Đến ngày 17/5/2000, vợ chồng ông Kh được Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình cấp quyền sử dụng đất số R 175550 tại thửa 426, tờ bản đồ số 04. Đến năm 2001, vợ chồng ông Kh có nhận chuyển nhượng thêm của ông D1 09 công tầm lớn (12.733m^2). Hai thửa đất này nằm liền kề nhau. Vợ chồng ông Kh sử dụng ổn định 02 phần đất này từ năm 1999 đến năm 2014 không xảy ra tranh chấp.

Vào ngày 26/7/2014, ông D1 cùng con ruột là anh Nguyễn Tấn E và ông L ngang nhiên vào chiếm giữ phần đất tại thửa 426. Nhưng khi vợ chồng ông Kh phát hiện và báo chính quyền ấp N, xã Th lập biên bản, thì những người này đắp lại phần bờ có vị trí mặt tiền giáp với phần đất của vợ chồng ông D2 mà hiện nay con dâu là chị L1 canh tác. Vợ chồng ông Kh có chụp hình việc ông D1 đắp lại phần bờ đã phá này.

Đến ngày 28/7/2014, ông L, ông D1 và Tấn E chính thức lấy phần đất tại thửa 426 sử dụng đến nay. Họ phá phần bờ ở vị trí giáp đất ông D2 và đắp phần bờ ngăn phần đất này với phần đất có diện tích 12.733m^2 thuộc thửa 236, tờ bản số 05 cũng do vợ chồng ông Kh canh tác. Sự việc được chính quyền ấp N, xã Th lập biên bản. Vợ chồng ông Kh có chụp hình sự việc đắp bờ và xổ vuông của phía ông L, ông D1, Tấn E.

Đối với vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Kh và những người này đã được Tòa án nhân dân huyện Thới Bình giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2015/DS-ST ngày 28/12/2015 và được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm số 109/2016/DS-PT ngày 15/6/2016.

Do phần đất tại thửa 426, tờ bản đồ số 04 có hậu giáp với thửa đất số 236, tờ bản đồ số 05. Quá trình canh tác 02 phần đất, vợ chồng ông Kh đã cải tạo nên không có bờ ranh. Vợ chồng ông Kh canh tác 02 thửa đất này và thả tôm, cua giống, thu hoạch chung cho 02 thửa đất, nên không có sự phân biệt là thửa đất nào nuôi con tôm, cua gì và số lượng như thế nào. Tính đến thời điểm bị phía ông D1 lấy lại đất, vợ chồng ông Kh xác định các khoản thiệt hại thực tế bị mất trong cả 02 phần đất như sau:

- Mua tôm giống Dương Hùng 30.000 con giá 120 đồng/con x 30.000 con = 3.600.000 đồng;

- Mua tôm giống Quê Hương 20.000 con, giá 75 đồng/con x 20.000 con = 1.500.000 đồng;

- Mua cua lồng ghép 2.000 con, giá 650 đồng/con x 2.000 con = 1.300.000 đồng;

Các loại tôm và cua giống này vợ chồng ông Kh mới thả chưa thu hoạch, nên chỉ yêu cầu bồi thường phần tiền con giống;

- Tôm thịt (tôm sú) đang thu hoạch: Lô tôm 30.000 con (tôm chuyển) đã thu

hoạch, cỡ 40-50 con/kg. Do tôm chuyển nên tỷ lệ hao hụt 50%, tức đạt 15.000 con. Bình quân 43 con/kg. Tổng là 348kg (15.000/43). Đã bắt được 03 đêm với số lượng là 53kg, còn lại 295kg (348-53). Giá tôm thịt trung bình là 250.000 đồng/kg (270.000 đ/kg loại 40con và 230.000đ/kg loại 50 con). Tổng giá trị là 250.000 đồng x 295kg = 73.750.000 đồng.

Tổng thiệt hại là 80.150.000 đồng (có chứng từ và xác nhận của người thu mua tôm)

Nay vợ chồng ông Kh yêu cầu ông D1, ông L và Tấn E phải bồi thường thiệt hại số tôm, cua giống mới thả và phần tôm sú thịt chưa được thu hoạch trên 02 phần đất tại thửa 426, tờ bản đồ số 04 và thửa 236, tờ bản số 05 với tổng số tiền 80.150.000 đồng.

Ngoài việc vợ chồng ông Kh kiện ông D1, ông L và Tấn E bồi thường thiệt hại do hành vi chiếm đất trái phép ngày 26/7/2014, thì vào ngày 17/8/2016, ông D1 và Tấn E có hành vi cũng ngang nhiên chiếm phần đất tại thửa 236, tờ bản đồ số 05. Hành vi này cũng gây thiệt hại về vật nuôi cho vợ chồng ông Kh trên thửa đất này. Vợ chồng ông Kh đã khởi kiện ông D1, Tấn E bồi thường thiệt hại ở vụ án khác.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Vợ chồng ông Kh vẫn bảo lưu ý kiến như đã được trình bày trên.

- Ông D1 và anh Tấn E thống nhất trình bày: Thừa nhận trước ngày 26/7/2014, vợ chồng ông Kh là người trực tiếp sử dụng phần đất tại thửa số 426, tờ bản đồ số 04 và thửa 236, tờ bản đồ số 05. Vợ chồng ông Kh có thả tôm, cua và canh tác trên phần đất. Vào ngày 26/7/2014, ông D1 cùng ông L và anh Tấn E đến lấy phần đất tại thửa 426 mà không được sự đồng ý của vợ chồng ông Kh. Đến ngày 28/7/2014, phía ông D1 mới đắp bờ ngăn 02 phần đất tại thửa 426 và 236 và sử dụng phần đất tại thửa 426 đến nay. Sau ngày 28/7/2014, vợ chồng ông Kh không có đến phần đất để thu hoạch vật nuôi. Thời điểm Tòa án nhân dân huyện Thới Bình và Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết tranh chấp liên quan đến phần đất tại thửa 426 thì không có giải quyết yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về vật nuôi có trên phần đất.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự;

+ Phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng các điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật dân sự; Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét xử vắng mặt ông L; chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của vợ chồng ông Kh, buộc ông D1, ông L và anh Tấn E phải liên đới bồi thường cho vợ chồng ông Kh với tổng số tiền là

80.150.000 đồng; ông D1, ông L và anh Tấn E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% được tính trên số tiền bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2019, ông L là bị đơn trong vụ án được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng, phù hợp với quy định của tố tụng dân sự.

[3] Thiệt hại về vật nuôi có trên thửa đất số 426, tờ bản đồ số 04 và thửa 236, tờ bản đồ số 05, vợ chồng ông Kh chưa đặt ra yêu cầu bồi thường trong các vụ án dân sự được Tòa án nhân dân huyện Thới Bình thụ lý số 60/2014/TLST-DS ngày 10/3/2014 và vụ án dân sự thụ lý số 70/2015/TLST-DS ngày 12/01/2015. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện Thới Bình thụ lý giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của vợ chồng ông Kh là đúng quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, các đương sự đều xác định trước thời điểm ngày 26/7/2014, vợ chồng ông Kh là người đang trực tiếp sử dụng phần đất tại thửa 426, tờ bản đồ số 04 và thửa 236, tờ bản đồ số 05, cùng tọa lạc tại ấp N, xã Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau. Hai thửa đất này nằm liền kề nhau, nên vợ chồng ông Kh đã phá bờ để canh tác chung. Vào ngày 26/7/2014, ông D1, ông L và anh Tấn E chiếm giữ phần đất tại thửa 426. Đến ngày 28/7/2014, phía ông D1 đắp bờ ngăn 02 phần đất, chính thức lấy phần đất này và canh tác cho đến nay. Vụ việc được chính quyền ấp N, xã Th lập biên bản.

[5] Việc ông D1, ông L và anh Tấn E lấy phần đất tại thửa 426 không được sự đồng ý của vợ chồng ông Kh. Vào thời điểm lấy đất, tranh chấp giữa các bên chưa được cơ quan có thẩm quyền giải quyết bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật. Tính đến thời điểm bị lấy đất, vợ chồng ông Kh có thả tôm, cua giống và đang thu hoạch tôm trên phần đất, nên thiệt hại thực tế có xảy ra. Các khoản thiệt hại do vợ chồng ông Kh liệt kê là phù hợp với các chứng cứ do Tòa án thu thập. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình tại phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của vợ chồng ông Kh là có cơ sở. Do đó, cần buộc ông D1, ông L và anh Tấn E liên đới bồi thường thiệt hại, cụ thể các khoản thiệt hại được xác định, gồm: Tôm giống Dương Hùng 30.000 con, trị giá 3.600.000 đồng; Tôm giống Quê Hương 20.000 con trị giá 1.500.000 đồng; cua giống 2.000 con trị giá 1.300.000 đồng; Tôm sú thịt chưa thu hoạch 295kg trị giá 73.750.000 đồng. Tổng số tiền phải bồi thường là 80.150.000 đồng. Trong đó, phần bồi thường của mỗi người là bằng nhau tương ứng với số tiền 26.717.000 đồng (tính tròn số). Trường hợp chậm thanh toán, ông D1, ông L và anh Tấn E còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn gồm có ông D1, ông L và anh Tấn E cùng phải chịu án phí có giá ngạch 5%. Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho vợ chồng ông Kh.

[7] Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn gồm có ông D1 và anh Tấn E có mặt. Tuy đến thời điểm tuyên án, ông D1 và anh Tấn E vắng mặt không có lý do chính đáng, nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án. Ông L là bị đơn vắng mặt nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 587, 589 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn L.

2. Buộc ông Nguyễn Văn D1 (tên gọi khác là V), ông Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Tấn E (tên đệm khác là Tuấn E) phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho vợ chồng ông Kh tổng số tiền là 80.150.000 đồng (tám mươi triệu một trăm năm mươi ngàn đồng). Trong đó, phần của ông D1 phải bồi thường là 26.717.000 đồng (hai mươi sáu triệu bảy trăm mười bảy ngàn đồng, tính tròn số), phần của ông L phải bồi thường là 26.717.000 đồng (hai mươi sáu triệu bảy trăm mười bảy ngàn đồng, tính tròn số) và phần của anh Tấn E phải bồi thường là 26.717.000 đồng (hai mươi sáu triệu bảy trăm mười bảy ngàn đồng, tính tròn số).

3. Kể từ ngày vợ chồng ông Kh có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp ông D1, ông L và anh Tấn E không chịu thanh toán cho vợ chồng ông Kh số tiền nói trên, thì hàng tháng, ông D1, ông L và anh Tấn E còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Ông D1, ông L và anh Tấn E cùng phải chịu 4.008.000 đồng (bốn triệu không trăm lẻ tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

5. Trả lại cho vợ chồng ông Kh khoản tiền tạm ứng án phí 9.150.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018201 ngày 21/11/2016 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành.

6. Nguyên đơn, bị đơn (gồm có ông D1 (tên gọi khác là V) và anh Tấn E) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (ông L) vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS nd huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TA nd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trọng Quế